

Bản án số: 340/2023/DS-PT

Ngày: 17/8/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2023/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2419/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1968;

Nơi cư trú: ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N: Ông Đinh Văn N, sinh năm: 1977; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Bà Đặng Thị T, sinh năm: 1961;

Nơi cư trú: ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

*** Người kháng cáo:** Bà Đặng Thị T, sinh năm: 1961; nơi cư trú: ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, Biên bản không tiến hành hòa giải được và trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N là ông Đinh Văn N trình bày:

Bà N có cho bà Đặng Thị T vay tiền theo Giấy mượn tiền đề ngày 13/8/2019, thời hạn trả nợ là 01 năm kể từ ngày vay, hai bên thỏa thuận lãi như sau:

- Số tiền 60.000.000 đồng, trả lãi theo mức lãi suất Ngân hàng nhà nước.
- Số tiền 320.000.000 đồng, trả lãi theo mức lãi suất là 2%/tháng.

Trước đây do nhầm lẫn nên bà N có nêu trong Đơn khởi kiện là 20%/tháng, nay xin thay đổi nội dung này là 2%/tháng. Mặc dù trong văn bản Giấy mượn tiền ngày 13/8/2019 ghi tiền lãi của số tiền gốc 320.000.000 đồng chưa rõ ràng nhưng được hiểu là 2%/tháng.

Đến ngày 13/8/2020 bà T phải trả tiền gốc nhưng bà N và bà T thỏa thuận nếu bà T trả tiền lãi đầy đủ thì bà N đồng ý cho bà T tiếp tục vay tiền. Tuy nhiên sau đó bà T không đóng lãi đầy đủ mà chỉ hứa hẹn, đến ngày 31/01/2022 thì bà T có tiếp tục đóng lãi cho bà N số tiền 10.000.000 đồng và từ đó không đóng lãi và không trả nợ gốc cho bà N. Bà T và bà N đều thống nhất số tiền lãi đã trả được tổng cộng là 102.000.000 đồng và không yêu cầu tính lại số tiền lãi này. Nay bà N yêu cầu bà T phải trả số tiền gốc 380.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu tính tiền lãi chậm trả từ ngày Tòa án thụ lý đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0.83%/tháng.

Khi cho vay tiền, bà N có giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 27, tọa lạc ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre do bà Đặng Thị T đứng tên để làm niềm tin. Bà N sẽ trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà T khi bà T trả đủ tiền cho bà. Bà N không yêu cầu Tòa án đưa con bà T là anh Đặng Văn Q vào tham gia trong vụ án vì không liên quan, bà N cho bà T vay tiền không cho anh Q vay tiền. Bà N chỉ giao dịch với bà T và bà N giao tiền cho bà T, nhận tiền lãi từ bà T chứ không nhận từ anh Q.

Tại phiên toà sơ thẩm phía nguyên đơn yêu cầu bà T trả số tiền gốc đã vay là 380.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả của số tiền gốc 320.000.000 đồng tính từ ngày 11/7/2022 đến ngày 11/5/2023 là 10 tháng, với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thành tiền là 26.560.000 đồng, tuy nhiên bà N làm tròn số tiền lãi là 20.000.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 400.000.000 đồng. Đồng thời, bà N đề nghị Tòa ghi nhận việc bà N đồng ý trả lại cho bà T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đặng Thị T ngày 14/4/2017 đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.821,1 m² tọa lạc ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre, số vào sổ cấp GCN: CH03330.

Bà N xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà T thanh toán cho bà

112.742.000 đồng tiền lãi theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2022. Đồng thời, bà N không đồng ý việc anh Q trả tiền thay cho bà T.

Theo nội dung Bản khai, Biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa bị đơn bà Đặng Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận vào ngày 13/8/2019 có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 380.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất như sau: số tiền 60.000.000 đồng được tính lãi theo mức lãi suất Ngân hàng nhà nước; số tiền 320.000.000 đồng tính lãi là 2%/tháng. Bà T có ký tên vào Giấy mượn tiền lập ngày 13/8/2019. Thời gian trả nợ là 01 năm kể ngày 13/8/2019. Đến thời hạn trả nợ là vào ngày 13/8/2020 thì bà T không trả nợ gốc cho bà N mà tiếp tục đóng lãi đầy đủ cho đến ngày 11/11/2020. Bà N và bà thống nhất nếu bà đóng lãi đầy đủ thì tiếp tục cho vay. Nếu như không đóng lãi đầy đủ thì phải trả tất vốn đã vay. Kể từ tháng 12/2020 thì bà không đóng lãi cho bà N được vì dịch bệnh, làm ăn thua lỗ. Sau đó nhiều lần bà N có yêu cầu trả nợ thì bà có tiếp tục đóng cho bà N thêm 10.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 31/01/2022. Như vậy, tổng số tiền lãi mà bà đã trả cho bà N là 102.000.000 đồng. Khi vay tiền thì bà T có đưa 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đứng tên ở thửa đất số 01, tờ bản đồ số 27, tọa lạc ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre cho bà N cầm giữ.

Bà T vay tiền của bà N với mục đích cho anh Đặng Văn Q, là con trai của bà để làm ăn, tuy nhiên bà là người vay tiền và ký tên vào Giấy mượn tiền nên bà phải là người có nghĩa vụ trả nợ cho bà N, con bà không liên quan và vì vậy bà đề nghị Tòa không đưa anh Q vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Đối với số tiền lãi mà bà đã trả cho bà N thì bà không yêu cầu Tòa án tính lại số tiền lãi này, đây là sự tự nguyện của bà không bị ai ép buộc. Đối với số nợ gốc 380.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà N nhưng xin trả trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 28/5/2022. Đối với tất cả các khoản tiền lãi mà bà N yêu cầu bà xin được miễn trả toàn bộ vì kinh tế quá khó khăn. Khi bà trả đủ tiền gốc cho bà N thì bà N phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Bà N yêu cầu mức lãi suất 1,66%/tháng thì bà không đồng ý, đề nghị Tòa xem xét mức lãi suất khi cho vay ghi trong giấy mượn tiền là 20%/tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T đồng ý trả số tiền gốc 380.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền lãi cho bà N theo như yêu cầu của bà N. Tuy nhiên bà yêu cầu xin được trả dần số tiền 400.000.000 đồng, cụ thể: mỗi năm xin trả 02 kỳ, 06 tháng đầu năm trả 50.000.000 đồng, 06 tháng cuối năm trả 50.000.000 đồng cho đến khi tất nợ. Đồng thời, yêu cầu bà N phải trả lại cho bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị T ngày 14/4/2017 đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.821,1 m² tọa lạc ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre, số vào sổ cấp GCN: CH03330.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện T đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2023/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn bà Đặng Thị T về việc yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị T trả số tiền lãi 112.742.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N đối với bị đơn Đặng Thị T. Buộc bà Đặng Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 400.000.000 đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho bị đơn bà Đặng Thị T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị T ngày 14/4/2017 đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.821,1 m² tọa lạc ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre, số vào sổ cấp GCN: CH03330.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/6/2023 bị đơn bà Đặng Thị T kháng cáo đề yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau:

- Yêu cầu được trả dần số tiền 400.000.000 đồng, cụ thể: mỗi năm trả 100.000.000 đồng, chia làm 02 kỳ, 06 tháng đầu năm trả 50.000.000 đồng, 06 tháng cuối năm trả 50.000.000 đồng cho đến khi tất nợ.

- Yêu cầu bà N trả cho bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.821,1 m² tọa lạc ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Đặng Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là yêu cầu được trả dần số tiền 400.000.000 đồng, mỗi 06 tháng trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đồng thời bà N phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N là ông Đinh Văn N không đồng ý việc trả dần số tiền 400.000.000 đồng, việc trả tiền sẽ được thỏa thuận ở giai đoạn thi hành án. Các vấn đề khác giữ nguyên theo quyết định của bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Bộ

luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của của bị đơn Đặng Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2023/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Đặng Thị T trong thời hạn luật định và đúng qui định của pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị T về việc xin trả dần số nợ:

Theo Giấy mượn tiền ngày 13/8/2019 thể hiện bà N có cho bà T vay số tiền là 380.000.000 đồng và bà T có đưa cho bà N giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 01, tờ bản đồ số 27, diện tích 4821,1m² tọa lạc tại ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Hai bên thoả thuận thời hạn trả nợ là 01 năm kể từ ngày vay và bà T có ký tên vào giấy mượn tiền. Trong quá trình vay tiền, bà T có trả lãi cho bà N tổng cộng là 102.000.000 đồng, bà N và bà T đều thừa nhận số tiền lãi này và không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã trả. Do bà T gặp khó khăn nên không có khả năng trả lãi tiếp cho bà N nên bà N khởi kiện để yêu cầu bà T trả số nợ gốc là 380.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 11/7/2022 đến 11/5/2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng, làm tròn số tiền lãi là 20.000.000 đồng. Như vậy số tiền gốc và tiền lãi mà bà N yêu cầu bà T phải trả là 400.000.000 đồng. Bà T cũng đồng ý trả số tiền gốc và lãi là 400.000.000 đồng cho bà N nhưng xin được trả dần cụ thể: mỗi năm trả 100.000.000 đồng, xin trả 02 kỳ, 06 tháng đầu năm trả 50.000.000 đồng, 06 tháng cuối năm trả 50.000.000 đồng cho đến khi tắt nợ, tuy nhiên bà N không đồng ý.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà N với bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối đe dọa nên hợp đồng này là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền gốc và lãi là 400.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự. Đối với kháng cáo của bà T về việc yêu cầu được trả nợ dần và chia ra từng thời kỳ, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi bà N cho bà T vay số tiền 380.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 13/8/2019, các bên thống nhất trả số tiền cho vay vào thời hạn cụ thể, không có nội dung các bên thoả thuận về việc trả dần số tiền cho vay. Đồng thời, tại phiên toà phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của bà N không đồng ý việc trả nợ dần số tiền 400.000.000 đồng và đề nghị việc trả nợ sẽ được thực hiện ở giai đoạn thi hành án. Do đó, nội dung kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị N không có cơ sở để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu được trả nợ dần của bà T, buộc bà Đặng Thị T có nghĩa vụ trả cho bà

Nguyễn Thị N số tiền 400.000.000 đồng là có cơ sở.

[3] Xét kháng cáo của bà T về việc yêu cầu bà N trả cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.821,1 m² tọa lạc ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm bà N đồng ý trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà T. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho bị đơn bà Đặng Thị T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đặng Thị T ngày 14/4/2017 đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.821,1 m² tọa lạc ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre, số vào sổ cấp GCN: CH03330 là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, bà Đặng Thị T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị T.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên bà T là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị T. Giữ nguyên Quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 47/2023/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre, Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 370, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn bà Đặng Thị T về việc yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị T trả số tiền lãi 112.742.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N đối với bị đơn Đặng Thị T. Buộc bà Đặng Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho bị đơn bà Đặng Thị T 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đặng Thị T ngày 14/4/2017 đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.821,1 m² tọa lạc ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre, sổ vào sổ cấp GCN: CH03330.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Đặng Thị T được miễn nộp toàn bộ án phí.

Bà Nguyễn Thị N được Chi cục Thi hành án dân sự huyện T hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.849.440 (mười một triệu, tám trăm, bốn mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi) đồng theo biên lai thu số 0007374 ngày 08/7/2022.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị T được miễn nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre ;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng KTNV và THA; VP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Quang Sơn

